

BẢNG ĐIỂM

NĂM HỌC: 2015-2016



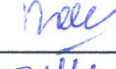


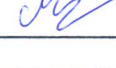


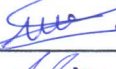
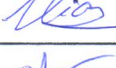






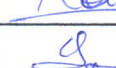
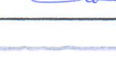
Lớp: CE501.G11

Mã giảng viên:

HỌC KỲ: 1

Môn học: Thực tập tốt nghiệp

Giảng viên:

STT	Mã số SV	Họ và tên sinh viên	Số tờ	Chữ ký sinh viên	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	08520255	Dương Đức Ngọc			7,0		
2	08520444	Nguyễn Minh Tuấn			6,5		
3	09520526	Nguyễn Văn Huân					
4	10520318	Nguyễn Trọng Nghĩa					
5	10520421	Nguyễn Tiến Minh Đăng					
6	11520015	Mai Hùng ánh					
7	11520017	Lâm Hoàng Bảo			7,8		
8	11520031	Vũ Văn Thuận Chất			9,2		
9	11520033	Vũ Nguyễn Tâm Châu			8,5		
10	11520034	Trần Phương Chung			8,7		
11	11520052	Nguyễn Bá Đạt					
12	11520056	Vũ Bá Tất Đạt			9,0		
13	11520067	Võ Đại Đồng			8,8		
14	11520072	Võ Văn Đức			9,2		
15	11520088	Nguyễn Ngọc Gia			9,2		
16	11520090	Trần Hoàng Giang			8,8		
17	11520097	Phạm Nguyên Hải			9,5		
18	11520115	Dương Thanh Hòa			9,0		
19	11520123	Phạm Viết Hoàng					
20	11520182	Trần Hoàng Khôi			8,5		
21	11520186	La Duy Kiên			9,2		
22	11520194	Nguyễn Thế Lai			7,2		
23	11520195	Nguyễn Danh Hoài Lam			6,5		
24	11520200	Nguyễn Ngọc Lâm			8,7		
25	11520211	Phạm Quang Linh					
26	11520217	Lê Minh Lợi					

